

Bản án số: 105/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 – 5 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Trảng L, xã Tam G, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Trần Kiều T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp Văn L, xã Nguyễn H, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

- Về hôn nhân: Anh H và chị T chung sống năm 2004, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung gồm: Phạm Huỳnh Đ, sinh ngày 04/8/2005 và Phạm Huỳnh Nh, sinh ngày 13/02/2008, khi ly hôn anh H yêu cầu con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

* *Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Kiều T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T xác định thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn như anh H trình bày là đúng. Việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị, chị đồng ý.
- Về con chung: Có 02 con chung như anh H trình bày là đúng. Khi ly hôn chị thống nhất việc con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ: chị Tiên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn H và chị Trần Kiều T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H thấy rằng: Anh H và chị T chung sống năm 2004, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị T, được chị T đồng ý. Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, mặt dù anh, chị thống nhất thuận tình ly hôn nhưng Hội đồng xét xử không công nhận việc thuận tình ly hôn của anh, chị mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh, chị là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh H và chị T đều có yêu cầu con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi. Qua xem xét nguyện vọng của hai cháu Huỳnh Đ và Huỳnh Nh thì hai cháu có nguyện vọng được sống cùng chị T do từ khi anh H và chị T ly thân thì hai cháu theo sống cùng chị T. Do vậy, giao hai cháu Phạm Huỳnh Đ và Phạm Huỳnh Nh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh H và chị T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Anh H và chị T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về các vấn đề khác: Anh H và chị T xác định không có.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn H và chị Trần Kiều T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Phạm Huỳnh Đ, sinh ngày 04/8/2005 và Phạm Huỳnh Nh, sinh ngày 13/02/2008 cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn H phải chịu là 300.000 đồng. Anh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0012026 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai